TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2025/DS-ST
Ngày: 29/7/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Thủy

2. Ông Nguyễn Mạnh Hải

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/6/2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HNGĐ ngày 01/7/2025), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Viễn T, sinh ngày 14/12/1985
Căn cước công dân số ---
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông Lâm Trường G, sinh ngày 07/8/1984
Căn cước công dân số ---
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh)

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Viễn T và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Viễn T và ông Lâm Trường G chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2007. Ông bà chung sống có ba con chung tên Lâm Gia V, sinh ngày 13/02/2008; Lâm Thành Đ, sinh ngày 16/10/2015 và Lâm Phương N, sinh ngày 22/8/2012. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông G không chí thú làm ăn chăm lo cho vợ con gia đình. Một mình bà T buôn bán tảo tần gách vác hết tất cả mọi thứ từ chi tiêu sinh hoạt đến chi phí ăn học cho các con. Cả hai không còn tiếng nói chung trong những việc lớn nhỏ của gia đình. Mạnh ai nấy sống theo cách riêng của mình. Bà T cùng các con dọn ra sống riêng từ tháng 05/2024 đến nay. Thời gian sống ly thân ông G không quan tâm đến cuộc sống các con như thế nào, không thăm con. Cuộc sống như thế kéo dài quá lâu, bà T là người quán xuyến hết tất cả mọi thứ nên ức chế, bất mãn từ việc sống vô trách nhiệm của ông G. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông G để ổn định cuộc sống của mình và các con. Bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông G liên tục vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tống đạt cho đương sự, tiến hành phiên hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn nghiên cứu theo quy định tại các Điều 175, 208, 203, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn thể hiện bị đơn có đăng ký thường trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Bị đơn biết việc ly hôn nhưng không đến tòa án để giải quyết vụ kiện. Không cùng chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc với nguyên đơn, không cùng nguyên đơn chăm sóc con chung, không quan tâm cuộc sống gia đình, chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2007. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có nơi ở tại phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, phù hợp với tài liệu chứng cứ Tòa án xác minh thu thập. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn khai mâu thuẫn vợ chồng là do bị đơn không chí thú làm ăn, không chăm lo cho vợ con gia đình. Một mình nguyên đơn buôn bán tảo tần gách vác hết tất cả mọi thứ, từ chi tiêu sinh hoạt đến chi phí ăn học cho các con nên ức chế, bất mãn từ việc sống vô trách nhiệm của bị đơn. Các đương sự không còn tiếng nói chung trong những việc lớn nhỏ của gia đình. Nguyên đơn đã sống riêng cùng các con từ tháng 05/2024 đến nay nhưng bị đơn không quan tâm,

không hỏi han. Mạnh ai nấy sống theo cách riêng của mình. Xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình và các con.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến. Khi được tống đạt các văn bản tố tụng bị đơn nhận trực tiếp, điều này cho thấy bị đơn biết về vụ án ly hôn nhưng không quan tâm, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản phản hồi cho Tòa án nêu ý kiến về con chung, tài sản chung. Bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân gia đình không còn nữa. Bị đơn không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ việc gia đình, con cái với nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc hôn nhân và gia đình của mình. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Các đương sự chung sống có ba người con chung. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung. Tại đơn đề nghị xem xét nguyện vọng của ba người con chung thể hiện: Thời gian sống riêng, nguyên đơn buôn bán trái cây từ 03 giờ sáng đến 10 giờ sáng rất vất vả, nhưng vẫn chăm lo cho các con đầy đủ; Các con đều có nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với mẹ, vừa phụ giúp mẹ việc nhà vừa chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy cuộc sống của nguyên đơn và các con đã ổn định. Do đó, việc nguyên đơn đề nghị được nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với nguyện vọng của con và vì quyền lợi của trẻ em nên giao cả ba con cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị của nguyên đơn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; Nhưng để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn cho đến khi nguyên đơn có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Viễn T được ly hôn ông Lâm Trường G. Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2007 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Viễn T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung tên Lâm Gia V, sinh ngày 13/02/2008; Lâm Thành Đ, sinh ngày 16/10/2015 và Lâm Phương N, sinh ngày 22/8/2012 cho đến khi trưởng thành.

Ông Lâm Trường G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lâm Trường G cho đến khi bà Nguyễn Thị Viễn T có yêu cầu. Các đương sự tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không thỏa thuận đươc thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Viễn T chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà T đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0057613 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Viễn T đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Tứ Nhị